

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế
đối với Chương trình khuyến công

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ, đề án được bố trí nguồn vốn trực tiếp từ Chương trình khuyến công theo Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 (sau đây gọi là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng được nhà nước hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã (gọi là cơ sở công nghiệp nông thôn); bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

2. Các tổ chức dịch vụ khuyến công, gồm: Trung tâm khuyến công, cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 3. Ngành nghề được hưởng kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã được hưởng kinh phí khuyến công của nhà nước đối với các ngành nghề sau:

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;
2. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động;
3. Sản xuất sản phẩm mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;
4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;
5. Thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000 KW để cung cấp điện cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
6. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh;
7. Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Điều 4. Nội dung chi hoạt động khuyến công

1. Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề
 - a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề (chủ yếu là tại chỗ), ngắn hạn (dưới 1 năm), gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động nông thôn;
 - b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề ở nông thôn.
2. Chương trình nâng cao năng lực quản lý
 - a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu khởi sự, quản trị doanh nghiệp công nghiệp nông thôn có nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế và đối tượng đào tạo;
 - b) Chi đào tạo cán bộ của các tổ chức dịch vụ khuyến công để có đủ năng lực tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo của chương trình (đào tạo giảng viên);
 - c) Chi tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn;
 - d) Chi tổ chức hội thảo, giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ mới và các chủ đề khác liên quan đến sản xuất công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn;
 - đ) Chi tổ chức, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các khóa học, hội thảo; khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước;

e) Chi tư vấn, hỗ trợ lập dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để thành lập doanh nghiệp và doanh nghiệp mới thành lập.

3. Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiên bộ khoa học kỹ thuật

a) Chi điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiên bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyển giao;

b) Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn trong các lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp để khuyến khích hiện đại hoá công nghệ truyền thống; sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản; chế biến nguyên liệu, đặc biệt là quy mô nhỏ tại các vùng nguyên liệu phân tán để cung cấp cho các cơ sở công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp;

c) Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường.

4. Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

a) Chi xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước;

b) Chi xây dựng và ban hành hệ thống Quy chế bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng theo 5 cấp: xã, huyện, tỉnh, khu vực (vùng), quốc gia;

c) Chi tổ chức bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh, khu vực, quốc gia;

d) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói... để tạo ra những sản phẩm đạt được cấp cao hơn;

đ) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Xây dựng, đăng ký thương hiệu và các hoạt động xúc tiến thương mại.

5. Chương trình phát triển hoạt động tư vấn, cung cấp thông tin

a) Chi hỗ trợ hoạt động tư vấn khuyến công trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn;

b) Chi hình thành và phát triển các hoạt động tư vấn khuyến công, gồm: điểm tư vấn cố định; tư vấn trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; tư vấn qua mạng internet và các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Chi xây dựng trung tâm dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn, mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công từ trung ương đến địa phương;

d) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác.

6. Chương trình hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế và phát triển các cụm - điểm công nghiệp

a) Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết vệ tinh sản xuất các mặt hàng phụ trợ; mô hình liên kết cơ sở sản xuất thủ công mỹ nghệ truyền thống với các doanh nghiệp du lịch;

b) Chi hỗ trợ hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp;

c) Chi hỗ trợ lập quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương tại những địa bàn khó khăn, công nghiệp chậm phát triển.

7. Chương trình nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công

a) Chi nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công;

b) Chi tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn hoạt động khuyến công để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công từ Trung ương đến địa phương;

c) Chi cơ sở vật chất kỹ thuật cho các Trung tâm khuyến công theo hướng chuyên nghiệp hóa, kết nối với các cơ quan, viện, trường, doanh nghiệp có khả năng thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn kỹ thuật tại cơ sở;

d) Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cho cán bộ làm công tác khuyến công;

đ) Chi hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho hoạt động khuyến công trong nước.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công quốc gia do Bộ Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện và bổ sung chỉ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo chương trình, kế hoạch, đề án được phê duyệt.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và tổ chức thực hiện.

3. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép

các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của Chương trình.

Điều 6. Phân cấp nhiệm vụ chỉ khuyến công

1. Nhiệm vụ chỉ của khuyến công quốc gia

a) Kinh phí khuyến công quốc gia bảo đảm chi cho các hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 134/2004/NĐ-CP của Chính phủ và các nội dung Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 quy định tại Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Công thương quản lý và tổ chức thực hiện đối với những hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa toàn quốc hoặc khu vực, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng, ngành và lãnh thổ;

b) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công quốc gia

- Chi biên soạn giáo trình, tài liệu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn về khuyến công;
- Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng phát trên toàn quốc;
- Chi xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công quốc gia, từng giai đoạn;
- Chi kiểm tra, giám sát hoạt động khuyến công tại các địa phương và cơ sở;
- Chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác khuyến công;
- Chi khen thưởng theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương;
- Chi vốn đối ứng cho các dự án, đề án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công;
- Các khoản chi khác (nếu có).

2. Nhiệm vụ chỉ của khuyến công địa phương

a) Kinh phí khuyến công địa phương bảo đảm chi cho các hoạt động khuyến công theo các nội dung Chương trình khuyến công địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định 134/2004/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do địa phương thực hiện đối với những hoạt động, sản phẩm sản xuất ra có ý nghĩa trong tỉnh hoặc khu vực phù hợp với chiến lược, quy hoạch về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

b) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công địa phương

- Chi biên soạn giáo trình, tài liệu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn về khuyến công;
- Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trong phạm vi địa phương;
- Chi xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm tại địa phương;

- Chi kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, hoạt động khuyến công tại cơ sở;
- Chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác khuyến công;
- Chi khen thưởng theo quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp;
- Chi vốn đối ứng cho các dự án, đề án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công;
- Các khoản chi khác (nếu có).

Điều 7. Mức chi

1. Một số mức chi chung

Mức chi cho hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể một số mức chi như sau:

a) Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo của Chương trình khuyến công thực hiện theo Thông tư số 87/2001/TT-BTC ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và biên soạn chương trình giáo trình các môn học;

b) Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn.

Đối với đào tạo người nghèo và người dân tộc thiểu số tham gia học nghề mới; đào tạo thợ giỏi và nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giảng viên dạy nghề được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học và hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé phương tiện giao thông công cộng theo Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo;

c) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 100/2006/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật;

d) Điều tra, khảo sát, xây dựng danh mục mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới cần phổ biến nhân rộng; danh mục công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật cần hỗ trợ chuyển giao và hệ thống định mức chi hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách nhà nước;

đ) Hội nghị, hội thảo, tập huấn thực hiện theo Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21 tháng 3

năm 2007 và Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính;

e) Khảo sát nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài;

g) Tổ chức các cuộc thi về các hoạt động khuyến công thực hiện theo Thông tư số 101/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện các dự án, chương trình thuộc Đề án “Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm giai đoạn 2008-2015”;

h) Các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; các khoá đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp thực hiện theo Thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;

i) Xây dựng dữ liệu điện tử về công nghiệp nông thôn thực hiện theo Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi cho việc tạo lập thông tin điện tử.

2. Một số mức chi đặc thù

a) Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: nghiên cứu hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 triệu đồng/doanh nghiệp;

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp và có tính quyết định đến công nghệ mới hoặc sản phẩm mới; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa là 70 triệu đồng/mô hình;

c) Chi hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xử lý môi trường, bao gồm: máy móc thiết bị hiện đại, cung cấp tài liệu, bí quyết kỹ thuật; tư vấn quản lý công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao; đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ cho cán bộ, công nhân để nắm vững và vận hành công nghệ được chuyển giao; thuê chuyên gia; mua tài liệu nghiên cứu phục vụ công việc chuyển giao; mua nguyên vật liệu để sản xuất thử. Mức hỗ trợ tối đa 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ được chuyển giao nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở;

d) Chi xây dựng Bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn thể hiện bản sắc văn hóa truyền thống, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Mức chi tối đa không quá 15 triệu đồng/tiêu chuẩn sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm;

đ) Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã, huyện, tỉnh, khu vực, quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/lần (đối với cấp xã), 20 triệu đồng/lần (đối với cấp huyện), 80 triệu đồng/lần (đối với cấp tỉnh), 150 triệu đồng/lần (đối với cấp khu vực) và 250 triệu đồng/lần (đối với cấp quốc gia);

e) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu trong nước cấp tỉnh, khu vực, quốc gia. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê gian hàng, trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng hội chợ triển lãm tổ chức tại các vùng miền núi, Tây Nguyên, vùng cao mức hỗ trợ tối đa 80% chi phí thuê gian hàng.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham dự hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm khác trong nước. Mức hỗ trợ 50% giá thuê diện tích gian hàng;

g) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng mức tối đa không quá 35 triệu đồng/thương hiệu;

h) Chi hỗ trợ cho cơ sở công nghiệp nông thôn thuê tư vấn trong các lĩnh vực: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; đất đai; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 50% chi phí thuê tư vấn, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở;

i) Chi thành lập điểm tư vấn khuyến công có điều kiện thành lập theo quy định của Bộ Công thương, bao gồm chi phí: mua sắm tài liệu, trang thiết bị và dụng cụ phục vụ cho hoạt động của các điểm tư vấn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở;

k) Chi hỗ trợ xây dựng mạng lưới cộng tác viên khuyến công, bao gồm: khảo sát vận động nhân sự tham gia mạng lưới; lập đề án xây dựng mạng lưới; dự thảo điều lệ hoạt động của mạng lưới; tổ chức hội nghị ra mắt mạng lưới; tập huấn đào tạo cộng tác viên. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng mạng lưới cộng tác viên nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công cấp tỉnh và 150 triệu đồng/mạng lưới cộng tác viên tư vấn khuyến công cấp quốc gia;

l) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng;

m) Chi hỗ trợ để thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; liên kết cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia. Mức hỗ trợ 30% chi phí thành lập nhưng tối đa không

vượt quá 50 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp tỉnh, 70 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp vùng, 100 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp quốc gia;

n) Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp trong các ngành dệt may, da giày, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp nhưng không vượt quá 150 triệu đồng cho một cụm liên kết;

o) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương, bao gồm: san lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải tại những địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn (danh mục địa bàn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư); địa bàn công nghiệp chậm phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết tối đa không vượt quá 350 triệu đồng/cụm, điểm công nghiệp; mức hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tối đa không vượt quá 3.000 triệu đồng/cụm, điểm công nghiệp;

p) Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham quan khảo sát học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ cụ thể đối với nhiệm vụ chi khuyến công của ngân sách trung ương do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định, mức hỗ trợ cụ thể đối với nhiệm vụ chi khuyến công của ngân sách địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định trên đây.

Điều 8. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình khuyến công phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Nội dung phù hợp với nội dung Chương trình khuyến công.
2. Có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khuyến công (bao gồm cả đề án) của cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương đối với Chương trình khuyến công quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với Chương trình khuyến công địa phương).
3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).
4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được Chương trình khuyến công hỗ trợ.
5. Các điều kiện hỗ trợ cụ thể của từng chương trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

Điều 9. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí Chương trình

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính và các quy định tại Thông tư này như sau:

1. Lập và phân bổ dự toán

a) Đối với kinh phí khuyến công quốc gia

- Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ khuyến công quốc gia của Chương trình đã được phê duyệt, tình hình thực hiện nhiệm vụ và dự toán năm báo cáo, Bộ Công Thương lập dự toán chi thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia của năm kế hoạch chi tiết từng nội dung phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao gửi Bộ Tài chính. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp chung vào phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

- Căn cứ dự toán được giao, Bộ Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia chi tiết theo đơn vị và nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Thông tư này gửi Bộ Tài chính thẩm định làm căn cứ giao dự toán cho các đơn vị thực hiện.

b) Đối với kinh phí khuyến công địa phương

- Đối với phần kinh phí khuyến công từ ngân sách địa phương:

+ Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ khuyến công địa phương của Chương trình đã được phê duyệt, tình hình thực hiện nhiệm vụ và dự toán năm báo cáo, Sở Công Thương lập dự toán chi thực hiện Chương trình khuyến công địa phương của năm kế hoạch chi tiết từng nội dung phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính xem xét, tổng hợp chung vào phương án phân bổ ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

+ Căn cứ dự toán được giao, Sở Công Thương thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương chi tiết theo đơn vị và nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Thông tư này gửi Sở Tài chính thẩm định làm căn cứ giao dự toán cho các đơn vị thực hiện.

- Đối với phần kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

+ Căn cứ vào Chương trình tại địa phương đã được phê duyệt từng thời kỳ và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán phần kinh phí đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ chi thực hiện Chương trình, gửi Bộ Công Thương xem xét tổng hợp cùng với thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm gửi Bộ Tài chính.

+ Căn cứ khả năng ngân sách trung ương, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương xem xét dự toán kinh phí thực hiện khuyến công quốc gia, trong đó có mức bổ sung hỗ trợ có mục tiêu ngân sách địa phương thực hiện công tác khuyến công; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, phương án

phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ để trình Quốc hội xem xét quyết định.

2. Chấp hành dự toán

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch;

b) Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ của Chương trình theo hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước của Bộ Tài chính; chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại Thông tư này.

3. Công tác hạch toán, quyết toán

a) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí của Chương trình có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khuyến công vào loại 070 khoản 102 “hoạt động khuyến công”, theo chương tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước;

b) Đối với các nhiệm vụ của Chương trình do đơn vị thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng với cơ quan chủ trì, chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan chủ trì, gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo dự toán chi tiết kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; uỷ nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác theo quy định của Bộ Công Thương. Các chứng từ chi tiêu của đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khuyến công được lưu tại đơn vị;

c) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí của Chương trình phải quyết toán kinh phí năm đã sử dụng với Bộ Công Thương (đối với kinh phí sự nghiệp kinh tế Trung ương) với Sở Công Thương (đối với kinh phí sự nghiệp kinh tế địa phương và phần kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương). Quyết toán năm Bộ Công Thương và Sở Công Thương gửi cơ quan Tài chính đồng cấp thẩm định. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát

Bộ Công Thương, Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí chương trình đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

Điều 11. Thông tin báo cáo

1. Định kỳ hàng quý các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ Chương trình khuyến công có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

2. Định kỳ hàng năm Bộ Công Thương tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình khuyến công báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng gửi Bộ Tài chính.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế cho Thông tư liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN ngày 16/5/2005 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương để sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Dương Quang

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG



Phạm Sỹ Danh

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng; Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở Công Thương, KBNN các tỉnh, Thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website: Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT (Bộ Tài chính; Bộ Công Thương).